Nội dung bài viết

1. Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 31: Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ: Trung thực và Tự trọng

Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 4 trang 31: Luyện từ và câu

Câu 1: Tìm những từ:

Cùng nghĩa với **trung thực**: **M**: thật thà,.....

Trái nghĩa với **trung thực**: **M**: gian dối,.....

Trả lời:

Cùng nghĩa với **trung thực**: ngay thẳng, chân thật, thành thật, bộc trực, thẳng tính, thật tình,...

Trái nghĩa với **trung thực**: dối trá, bịp bợm, gian lận, gian manh, lừa đảo, lừa lọc, gian xảo,...

Câu 2: Đặt câu với một từ cùng nghĩa với **trung thực** hoặc một từ trái nghĩa với **trung thực** :

Trả lời:

- Từ cùng nghĩa :

Bạn Huy là người rất thẳng tính.

- Từ trái nghĩa :

Cha mẹ và thầy cô ở trường vẫn dạy em rằng : cần phải sống trung thực, không nên gian dối.

Câu 3: Đặt dấu x vào ô trống dưới dòng nêu đúng nghĩa của từ tự trọng :

☐ Tin vào bản thân mình.

☐ Quyết định lấy công việc của mình.

☐ Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.

☐ Đánh giá mình quá cao và coi thường người khác.

Trả lời:

X Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.

Câu 4: Mỗi thành ngữ, tục ngữ dưới đây nói về điều gì ? Đánh dấu x vào ô thích hợp.

Thành ngữ, tục ngữ	Nói về tính trung thực	Nói về lòng tự trọng
a) Thẳng như ruột ngựa.	.....	.....
b) Giấy rách phải giữ lấy lề.	.....	.....
c) Thuốc đắng dã tật.	.....	.....
d) Cây ngay không sợ chết đứng.	.....	.....
e) Đói cho sạch, rách cho thơm.	.....	.....

Trả lời:

Thành ngữ, tục ngữ	Nói về tính trung thực	Nói về lòng tự trọng
a) Thẳng như ruột ngựa.	x	
b) Giấy rách phải giữ lấy lề.		x
c) Thuốc đắng dã tật.	x	
d) Cây ngay không sợ chết đứng.	x	
e) Đói cho sạch, rách cho thơm.		x